TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/ HNGĐ - ST
Ngày: 27/ 3/ 2023
V/v: " Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Thưởng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Đình Tú – Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1981
Nơi cư trú: SN 41/28 đường N H C, Phường Q T, thành phố T H, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: 68 N D, phường Đ B, thành phố T H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Trần C – Sinh năm 1974
Nơi cư trú: SN 41/28 đường N H C, Phường Q T, thành phố T H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần C kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ H, thành phố T H, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình chung sống anh, chị có sảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và do anh chị không tin tưởng lẫn nhau, nên thường xuyên sảy ra xung đột, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau.

Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh C thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung:

1. Trần Phương A – sinh ngày 02/6/2009
2. Trần Lê Minh Q – sinh ngày 19/ 9/ 2011.

Ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A, còn cháu Trần Lê Minh Q giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản khai bị đơn anh Trần C trình bày:

Về hôn nhân: Anh C cũng thống nhất với trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn. Nhưng theo anh C thì sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc bình thường, tuy đôi khi có sảy mâu thuẫn nhỏ với nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày có sự hiểu lầm. Nay anh C xét thấy tình cảm vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng các con.

Về con chung: Anh C cũng thừa nhận anh, chị có 02 con chung:

1. Trần Phương A – sinh ngày 02/6/2009
2. Trần Lê Minh Q – sinh ngày 19/ 9/ 2011.

Nếu phải ly hôn, anh C cũng có nguyện vọng có nguyện vọng nuôi cả hai con, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cô H.

Về tài sản và công nợ*:* Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương: Chị H và anh C kết hôn với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ H, thành phố T H.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, quá trình chung sống anh, chị sảy ra mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được, vì không thấy anh chị báo cáo. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh C, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; anh C vẫn có nguyện vọng về đoàn tụ.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, và 83 của Luật HNGĐ . Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự và NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần C.

- Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Trần C có 02 con

1. Trần Phương A – sinh ngày 02/6/2009

2. Trần Lê Minh Q – sinh ngày 19/ 9/ 2011.

Ly hôn, giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A và giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lê Minh Q.

Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố T H, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố T H theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Trần C và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị sảy ra mâu thuẫn, nên anh, chị đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải nhiều lần, nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn vì xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh C thực sự không còn, nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho chị H được ly hôn anh C.

[3] Về con chung Chị Lê Thị H và anh Trần C có 02 con

1. Trần Phương A – sinh ngày 02/6/2009;

2. Trần Lê Minh Q – sinh ngày 19/ 9/ 2011.

Ly hôn, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con và thống nhất: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A; anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lê Minh Q. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Xét việc thống nhất việc nuôi con và không cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và điều kiện nuôi con của mỗi bên.

Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A – sinh ngày 02/6/2009 và giao cho anh Trần C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lê Minh Q – sinh ngày 19/ 9/ 2011. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1.Về hôn nhân : Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần C.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị H và anh Trần C có 02 con chung:

1. Trần Phương A – sinh ngày 02/6/2009
2. Trần Lê Minh Q – sinh ngày 19/ 9/ 2011.

Ly hôn, Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A – sinh ngày 02/6/2009 và giao cho anh Trần C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lê Minh Q – sinh ngày 19/ 9/ 2011. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Anh Trần C, chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí*:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002495 ngày 09/11/2022 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H và anh Trần C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Đông Hải;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Hương